|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  Số: /TTr-BGTVT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2023*  *.* |

# TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô**

**và dịch vụ sát hạch lái xe (Nghị định số 65/2016/NĐ-CP, Nghị định số 10/2020/NĐCP, Nghị định số 119/2021/NĐ-CP).**

**Dự thảo**

**Ngày 30.8.2023**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe (Nghị định số 65/2016/NĐ-CP, Nghị định số 10/2020/NĐCP, Nghị định số 119/2021/NĐ-CP) với các nội dung sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Căn cứ chính trị - pháp lý**

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025.

Ngày 10/01/2022, Chính phủ đã ban ban hành Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 với mục tiêu đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm.

Ngày 24/8/2022, Chính phủ đã ban hànhNghị định số 56/2022/NĐ-CP quy định cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; theo đó, cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải không có Tổng cục Đường bộ Việt Nam, đồng thời tại khoản 3 Điều 5 Nghị định quy định “*3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam, bảo đảm kế thừa các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cho đến khi cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật có liên quan.*”.

**2. Căn cứ tình hình thực tiễn**

*a) Về thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp*

Tiếp tục thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền địa phương thực hiện quản lý toàn bộ hoạt động vận tải bằng xe ô tô, kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, cụ thể:

Đối với Nghị định 65/2016/NĐ-CP: phân cấp thực hiện thủ tục Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2 và cấp, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục.

Đối với Nghị định 10/2020/NĐ-CP: Cấp giấy phép kinh doanh vận tải, cấp phù hiệu, biển hiệu; công tác theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động vận tải đã phân cấp triệt để cho Sở Giao thông vận tải các địa phương. Tiếp tục phân cấp công tác công bố danh mục tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh cho Sở GTVT hai đầu tuyến để tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký kịp thời, nhanh chóng.

Đối với Nghị định 119/2021/NĐ-CP tiếp tục thực hiện rà soát các điều khoản và sửa đổi thành phần hồ sơ đối với một số thủ tuc hành chính quốc tế, quy định cụ thể hơn việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép liên vận (giữa Việt Nam với các nước ASEAN, GMS, CLV, Lào, Campuchia) để tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng hành chính công và thực hiện sự bình đẳng, minh bạch giữa các đơn vị kinh doanh vận tải quốc tế, tiếp tục thực hiện phân cấp cấp phép vận tải quốc tế (Giấy phép vận tải loại D) cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh và Sở Giao thông vận tải - Xây dựng Lào Cai.

*b) Về cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính*

Thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025 và chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm triển khai quyết liệt cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các quy trình, thủ tục không hợp lý; Để tiếp tục thực hiện chủ trương này thì việc rà soát lại các quy định điều kiện kinh doanh và các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe và dịch vụ sát hạch lái xe là cần thiết, cụ thể:

- Đối với Nghị định 65/2016/NĐ-CP:

Về điều kiện kinh doanh: cắt giảm 03 điều điều kiện đối với hệ thống phòng chuyên môn của cơ sở đào tạo lái xe; tăng 01 điều kiện đối với xe tập lái; tăng 01 điều kiện đối với xe sát hạch;.

Về cái cách thủ tục hành chính: thực hiện cấp giấy phép xe tập lái điện tử nhằm giảm chi phí thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xe tập lái; giảm thời gian và số cơ quan tham gia giải quyết các thủ tục hành chính: Cấp, cấp lại giấy phép xe tập lái, cấp, cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, cấp, cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe, Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2 và cấp, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động do cơ quan trung ương thực hiện cho địa phương.

- Đối với Nghị định 10/2020/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì toàn bộ công tác quản lý nhà nước về hoạt động vận tải gồm: Cấp giấy phép kinh doanh vận tải, cấp phù hiệu, biển hiệu; công tác theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hoạt động vận tải đã phân cấp triệt để cho Sở Giao thông vận tải các địa phương. Vì vậy, tiếp tục nghiên cứu, rà soát để đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo điều kiện ngày càng thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

- Đối với Nghị định 119/2021/NĐ-CP Tiếp tục thực hiện rà soát, phân cấp cấp phép vận tải quốc tế cho Sở giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải – Xây dựng các tỉnh có cửa khẩu với Trung Quốc, sửa đổi thành phần hồ sơ đối với một số thủ tục hành chính.

*c)* *Về giải quyết một số khó khăn từ thực tiễn thực hiện*

Quá trình triển khai thực hiện, Cục Đường bộ Việt Nam nhận được ý kiến phản ánh của các tổ chức và cá nhân về khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các quy định về quản lý hoạt động vận tải, đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe đang được quy định tại các Nghị định số 65/2016/NĐ-CP, Nghị định số 10/2020/NĐCP, Nghị định số 119/2021/NĐ-CP. Cụ thể:

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP:

*Về hệ thống phòng học chuyên môn:*(1)Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định **cơ** sở đào tạo lái xe phải trang bị hệ tranh vẽ, hệ thống bảng biểu ở các phòng học Nghiệp vụ vận tải, Cấu tạo sửa chữa thông thường, Kỹ thuật lái xe. Tuy nhiên, hiện nay Phòng học chuyên môn đã được trang bị màn hình, máy chiếu, laptop nên hình vẽ và bảng biểu có thể được chiếu lên màn hình, giảm những chi phí không cần thiết cho cơ sở đào tạo lái xe. (2) Theo quy định phải trang bị thiết bị mô phỏng trong Phòng kỹ thuật lái xe. Tuy nhiên, diện tích Phòng học lỹ thuyết nhỏ, trong khi cabin học lái xe chiếm nhiều diện tích. Vì vậy, việc xem xét sử dụng hệ thống tranh vẽ thông qua hệ thống máy chiếu và bố trí thiết bị mô phỏng ở nơi riêng biệt để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn.

*Về tiêu chuẩn giáo viên dạy lái xe:* Khoản 1 Điều 8 quy định giáo viên dạy lái xe phải đáp ứng tiêu chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, tiêu chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH như sau: Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp 4 hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với nghề giảng dạy hoặc có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với nghề giảng dạy để dạy trình độ sơ cấp sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 hoặc chứng nhận bậc thợ 3/7, 2/6 hoặc chứng nhận nghệ nhân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tương đương trở lên. Tiêu chuẩn này hiện nay không một giáo viên dạy lái xe nào đáp ứng được vì trong hệ thống nghề đào tạo quốc gia hiện nay không có ngành nghề nào có chuyên ngành phù hợp với nghề đào tạo lái xe ô tô. Khoản 2 Điều 8 quy định giáo viên dạy lý thuyết phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành ô tô chiếm 30% trở lên, giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe tương ứng hạng xe đào tạo trở lên; quy định này là không cần thiết vì các môn học lý thuyết lái xe ô tô không liên quan nhiều đến chuyên ngành Luật và ô tô.Vì vậy**,** việc xem xét sửa đổi quy định tiêu chuẩn đối với giáo viên dạy lái xe là phù hợp.

- Đối với Nghị định 10/2020/NĐ-CP

Sau 03 năm triển khai thực hiện, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 47/2022/NĐ-CP) đã đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những hạn chế, bất cập của Nghị định số 86/2014/NĐ-CP, phù hợp với những quy định mới của pháp luật, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô của các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị kinh doanh vận tải; cắt giảm các thủ tục hành chính và những điều kiện kinh doanh không còn phù hợp; tạo lập môi trường kinh doanh vận tải minh bạch, công bằng, thuận lợi, hiện đại; người dân và đơn vị vận tải có thể đăng ký nộp hồ sơ qua mạng và nhận kết quả tại nhà trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và của tỉnh; đồng thời tiếp tục siết chặt để bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong kinh doanh vận tải. Việc quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, camera của xe ô tô trên Hệ thống của Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT, Thông tư 12/2020/TT-BGTVT đã giúp ích rất nhiều cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông của đơn vị vận tải, chủ xe, phục vụ công tác điều tra an ninh trật tự, công tác quản lý thuế và công tác phòng chống buôn lậu. Đồng thời đây cũng là kênh công cụ hữu ích của các đơn vị vận tải trong việc quản lý, điều hành hoạt động, quản lý xe, lái xe.

Tuy nhiên, trên cơ sở tổng hợp kết quả đánh giá của các Sở GTVT về tình hình triển khai thực hiện, vẫn còn gặp một số tồn tại khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế; cụ thể như sau:

(1) Quy định và điều kiện kinh doanh vận tải đối với loại hình tuyến cố định, buýt, taxi đã thông thoáng hơn, tuy nhiên so với loại hình xe hợp đồng, du lịch thì vẫn nhiều hơn. Một số quy định đối với loại hình xe hợp đồng, du lịch còn khó xác định trong thực tế hoặc phải có công cụ CNTT để xác định; trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý tại địa phương, lực lượng chức năng gặp khó khăn khi ngăn ngừa đối với trường hợp chưa đăng ký kinh doanh hoặc đã đăng ký kinh doanh nhưng quản cáo trên các trang mạng không đúng loại hình được phép kinh doanh; việc thu hồi Giấy phép kinh doanh, phù hiệu, biển hiệu chưa có thời hạn thu hồi dẫn đến khó triển khai trong thực tế.

(2) Hoạt động quản lý tuyến cố định cơ bản được quản lý chặt chẽ. Tuy nhiên, quy định về công bố danh mục tuyến vận tải hành khách cố định còn chưa phù hợp với thực tế và tính thời sự, phát triển của cung/cầu, gây khó khăn đối với các doanh nghiệp, HTX, nhất là khi lượng hành khách tăng, có nhu cầu tăng chuyến hoặc mở tuyến mới. Xuất hiện tình trạng xe bỏ bến ra bên ngoài hoạt động để cạnh tranh với xe hợp đồng trá hình nhưng vẫn giữ chỗ trong bến và có diễn biến ngày càng phức tạp, vẫn còn tình tạng xe không đến bến xe thực hiện công tác kiểm tra, xác nhận Lệnh vận chuyển nhưng vẫn thực hiện hành trình chạy xe trên tuyến.

(3) Một số nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý hoạt động vận tải đã được quy định tại các Nghị định của Chính phủ (Nghị định 10/2020/NĐ-CP, Nghị định 119/2021/NĐ-CP) và Thông tư của Bộ trưởng Bộ GTVT có lộ trình phải thực hiện xong trong năm 2021 và năm 2022 nhưng đến nay chưa xây dựng hệ thống tiếp nhận, xử lý dữ liệu, dẫn đến các đơn vị kinh doanh vận tải chưa chú trọng trang bị phần mềm quản lý, thực hiện chuyển đối số trong hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ.

Hiện nay, chỉ có Hệ thống xử lý thông tin từ thiết bị GSHT của Cục Đường bộ Việt Nam hoạt động, tuy nhiên hệ thống hiện còn hạn chế do được xây dựng thời gian đã lâu (từ 2015), công nghệ lạc hậu, hạn chế về năng lực xử lý, dữ liệu tổng hợp hàng tháng chưa được kịp thời; do vậy việc xử lý, chấn chỉnh vi phạm đối với đơn vị vận tải còn chậm. Hệ thống xử lý dữ liệu hình ảnh camera mới dừng lại ở bước thử nghiệm, hiện các Sở GTVT đang phải theo dõi, chiết xuất dữ liệu trên phần mềm của đơn vị vận tải, nên công tác quản lý gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân do nguồn kinh phí để xây dựng, nâng cấp, duy trì và vận hành các hệ thống quản lý hoạt động vận tải hầu như không có. Các hệ thống hiện nay chủ yếu do các đơn vị CNTT hỗ trợ xây dựng, vận hành miễn phí.

(4) Theo quy định tại Nghị định 10/2020/NĐ-CP, đã có quy định xử lý vi phạm bằng hình thức thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải, đình chỉ khai thác tuyến và thu hồi phù hiệu, biển hiệu. Tuy nhiên, chưa có quy định thời gian thu hồi hoặc sau khi thu hồi bao lâu thì mới được cấp lại, dẫn đến đơn vị bị thu hồi có thể đề nghị cấp lại ngay sau khi bị thu hồi. Điều này làm giảm hiệu quả của công tác quản lý, không đảm bảo tính răn đe trong quá trình xử lý đối với các trường hợp vi phạm. Bên cạnh đó, một số đơn vị bị thu hồi cố tình không nộp về cơ quan cấp theo đúng quyết định thu hồi nhưng chưa có chế tài để bắt buộc các đơn vị vi phạm phải chấp hành đúng theo quyết định thu hồi.

- Đối với Nghị định 119/2021/NĐ-CP :

Sau hai năm triển khai thực hiện, Nghị định cũng đã góp phần thực hiện triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025; hoàn thiện các nội dung, thể chế cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công đối với thủ tục cấp phép vận chuyển đường bộ qua biên giới; đơn giản hóa và cắt giảm thủ tục hành chính cũng như hủy bỏ các chế độ báo cáo không cần thiết; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Các quy định của Nghị định đều đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trên tinh thần đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính về trình tự, thủ tục cấp giấy phép cho đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận chuyển đường bộ qua biên giới giữa Việt Nam với các nước, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, đảm bảo tính công khai minh bạch trong việc cấp phép.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai và trên cơ sở tổng hợp kết quả đánh giá của các Sở GTVT vẫn còn gặp một số tồn tại khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ và điều chỉnh trong quá trình cấp phép vận tải quốc tế, quản lý hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải, phương tiện thông qua sổ liên vận quốc tế; cụ thể như sau:

(1) Việc quy định “Giấy phép này chỉ được đi lại một lần” tại Điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định 119/2021/NĐ – CP cho hoạt động vận tải Việt Nam – Lào gây khó khăn cho những phương phương tiện đi lại nhiều lần trong một tháng (gây lãng phí Giấy phép liên vận, chủ phương tiện phải làm hồ sơ nhiều lần để được cấp sổ mới).

(2) Hiện nay nhiều đơn vị kinh doanh vận tải liên vận quốc tế (đặc biêt là các đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam – Lào, hoạt động vận tải quốc tế có hạn ngạch) đề nghị cấp sổ liên vận cho rất nhiều phương tiện nhưng lại không chạy hoặc gộp các sổ lại để sử dụng chạy nhiều lần ……từ đó gây lãnh phí cho ngân sách nhà nước, khó khăn cho công tác quản lý nhà nước khi kiểm soát phương tiện hoạt động trên đường.

(3) Khó khăn trong việc thực hiện triệt để Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 với mục tiêu đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành.

Trên cơ sở đánh giá tồn tại, khó khăn, vướng mắc nêu trên, đồng thời quán triệt tinh thần thể chế hóa kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng vào pháp luật, đồng thời giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu thống nhất giữa pháp luật của Nhà nước và quy định của Đảng; xuất phát từ căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý và thực tiễn thực hiện nêu trên, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe theo hình thức 01 nghị định sửa nhiều nghị định là cần thiết.

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

1. **Mục tiêu**

Tiếp tục hoàn thiện thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng trong công tác quản lý quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, bảo đảm đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luạt hiện hành; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền; giải quyết dứt điểm các khó khăn, tồn tại từ thực tiễn thực hiện.

1. **Quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị định**

*Một là,* thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng vào pháp luật, trong đó chú trọng quan điểm phân cấp, phân quyền trong quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe

*Hai là,* thực hiện đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, cải cách hành chính, rà soát thu gọn quy trình, thủ tục trong hoạt động vận tải bằng xe ô tô, kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

*Ba là,* rà soát đầy đủ để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương, tổ chức và cá nhân trong tổ chức thực hiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô.

*Bốn là,* kế thừa các quy định hiện hành, bảo đảm sự đồng bộ với các quy định có liên quan.

**3. Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị định**

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 388/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình xây dựng văn bản QPPL 6 tháng đầu năm 2023; Cục ĐBVN đã thành lập Tổ soạn thảo, tiến hành nghiên cứu các quy định có liên quan, tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các Nghị định và lấy ý kiến kiến nghị của Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam và các Sở Giao thông vận tải.

Bộ Giao thông vận tải có văn bản /BGTVT-VT ngày về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa gửi các Bộ, ngành và UBND các tỉnh thành phố, Ủy ban MTTQ Việt Nam, Ủy ban ATGT Quốc gia, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam và các Hiệp hội vận tải hàng hóa và Sở GTVT các tỉnh, thành phố để tham gia ý kiến đối với dự thảo.

Trên cơ sở các cuộc họp của Tổ biên tập và Ban soạn thảo, Bộ Giao thông vận tải đã hoàn thiện Dự thảo Nghị định.

**III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **Về bố cục**

### Dự thảo gồm 04 Điều, trong đó gồm 03 Điều sửa đổi các Nghị định và 01 Điều thi hành.

### **Nội dung chính của Nghị định**

* **Điều 1:** **Sửa đổi, bổ sung 15 điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP, cụ thể:**

(1) Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 6: cắt giảm 03 điều kiện về Hệ thống phòng học chuyển môn của cơ sở đào tạo lái xe; bổ sung điều kiện về niên hạn của xe tập lái;

(2) Sửa đổi khoản 1 và khoản 3 Điều 8: sửa đổi tiêu chuẩn đối với giáo viên dạy lái xe và phân cấp thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

(3) Sửa đổi Điều 9: sửa đổi nội dung phân cấp để thống nhất với Điều 8, bổ sung thành phần hồ sơ để minh chứng số km lái xe an toàn của người lái xe và bổ sung quy định về thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

(4) Sửa đổi Điều 11 và Phụ lục VII: phân cấp thực hiện thủ tục cấp gaiays phép xe tập lái; sửa đổi thời hạn của Giấy phép xe tập lái và bổ sung quy định về thu hồi Giấy phép xe tập lái;

(5) Sửa đổi các Điều 10, Điều 12: sửa đổi nội dung để thống nhất với nội dung sửa đổi phân cấp tại Điều 8 và Điều 11.

(6) Sửa đổi điểm c và điểm g khoản 1 Điều 18: bổ sung quy định điều kiện niên hạn của xe sát hạch; quy định chi tiết thiết bị mô phỏng dùng để sát hạch lái xe;

(7) Sửa đổi các Điều 13, Điều 19, Điều 20: phân cấp thực hiện các thủ tục hành chính cấp giấy phép đào tạo lái xe, Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2 và cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động;

(8) Sửa đổi Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 23: thống nhất với nội dugn phân cấp sửa đổi tại các Điều 13, Điều 19, Điều 20;

(9) Sửa đổi Điều 16 và Điều 24: bổ sung hình thức thu hồi giấy phép đào tạo lái xe và giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

* **Điều 2: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP, cụ thể:**

(1) Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” thành “Cục Đường bộ Việt Nam” tại: điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 12; điểm c khoản 7 Điều 19; điểm b và điểm d khoản 5, khoản 13 Điều 22; điểm d khoản 5 Điều 34; Phụ lục I, Phụ lục III cho phù hợp với Nghị định 56/2022/NĐ-CP;

(2) Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 4 giao Sở Giao thông vận tải: xây dựng, điều chỉnh, bổ sung danh mục mạng lưới tuyến cố định nội tỉnh; thống nhất với Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia để thực hiện xây dựng, điều chỉnh, bổ sung danh mục mạng lưới tuyến cố định liên tỉnh; cập nhật danh mục mạng lưới tuyến trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải để đảm bảo tính kịp thời và tạo thuận lợi cho đơn vị kinh doanh vận tải theo tuyến cố định đăng ký hoạt động;

(3) Bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 7 và điểm đ khoản 3 Điều 8 nội dung: “đ) Không được quảng cáo hoặc đăng tải một trong các thông tin sau dưới mọi hình thức: hành trình/lộ trình; điểm đầu/nơi đi, điểm cuối/nơi đến; chuyến xe có xác định giờ khởi hành/xuất phát; giá vé hoặc số tiền/hành khách (người); địa điểm đón, trả khách.” để ngăn chặn tình trạng xe hợp đồng cung cấp thông tin như tuyến cố định.

(4) Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 7 như sau: “5. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng trước khi thực hiện vận chuyển hành khách phải cung cấp đầy đủ các nội dung tối thiểu của hợp đồng vận chuyển theo quy định tại khoản 2 (trừ điểm g) Điều 15 của Nghị định này và danh sách hành khách kèm theo đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh vận tải qua thư điện tử (Email) hoặc qua phần mềm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.” để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

(5) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 19 để đảm bảo rõ ràng cho đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện thủ tục hành chính;

(6) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 19 để bổ sung quy định về thời hạn cấp lại giấy phép đối với trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải vi phạm quy định tại điểm a, điểm d khoản 6 Điều này dẫn đến bị thu hồi giấy phép nhằm mục tiêu tăng tính răn đe đối với đơn vị vi phạm;

(7) Sửa đổi khoản 1 Điều 20 cho phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 4;

(8) Sửa đổi khoản 2 Điều 20 cho phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4, đồng thời bổ sung nội dung để đảm tính chặt chẽ trong quá trình thực hiện nhằm khắc phục tình trạng hiện nay, một số Sở GTVT thường không trả lời hoặc trả lời rất chậm khi được lấy ý kiến về các nội dung liên quan đến quản lý tuyến cố định liên tỉnh;

(9) Sửa đổi điểm b khoản 6 Điều 19 để đảm bảo dễ thực hiện trong thực tế, do hiện nay 1 giấy phép có thể có nhiều loại hình vận tải, vì vậy, việc theo dõi xem loại hình nào không kinh doanh gặp nhiều khó khăn và phát sinh thủ tục cấp lại nhiều lần;

(10) Sửa đổi khoản 7 Điều 20 quy định đối với doanh nghiệp, hợp tác xã được ngừng khai thác tuyến hoặc ngừng khai thác một hoặc một số chuyến xe trên tuyến để đảm bảo tính chặt chẽ của quy định và phù hợp với các nội dung đã sửa đổi nêu trên;

(11) Sửa đổi khoản 9 Điều 20 để xử lý đình chỉ khai thác tại giờ xuất bến (nốt (tài)) đã đăng ký khi trong một tháng thực hiện dưới 70% tổng số chuyến xe của giờ xuất bến đã đăng ký nhằm đảm bảo các đơn vị vận tải có trách nhiệm cung cấp dịch vụ theo đúng phương án chạy xe đã đăng ký, hạn chế việc đơn vị vận tải chỉ đăng ký để giữ chỗ nhưng không hoạt động;

(12) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 20 bổ sung trình tự thực hiện đình chỉ khai thác cho phù hợp với khoản 9 Điều 20;

(13) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 22 bổ sung quy định cấp phù hiệu trong trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu “XE TRUNG CHUYỂN” đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia cho phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định 10/2020/NĐ-CP;

(14) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 22 bổ sung đơn vị kinh doanh vận tải bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu khi trích xuất dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của mỗi phương tiện trong một ngày có từ 03 lần vi phạm tốc độ trở lên (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ dưới 05 km/h và thu hồi phù hiệu, biển hiệu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 19, điểm a khoản 12 Điều 20 của Nghị định này để đảm bảo tính kịp thời đối với các trường hợp vi phạm khi trích xuất dữ liệu từ thiết bị GSHT nhằm nâng cao ý thức chấp hành quy định về tốc độ của người lái xe, đơn vị vận tải và phù hợp với các nội dung sửa đổi nêu trên;

(15) Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 22 theo hướng bổ sung quy định về thời gian thu hồi được tính kể từ ngày đơn vị kinh doanh vận tải nộp phù hiệu, biển hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi ban hành quyết định thu hồi

- Đối với các trường hợp quá thời hạn trên đơn vị kinh doanh vận tải không nộp, Sở Giao thông vận tải tiếp tục đăng tải quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải và phù hiệu, biển hiệu trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng tải, đơn vị kinh doanh vận tải không nộp, Sở Giao thông vận tải cập nhật vào Chương trình Quản lý kiểm định để cảnh báo phương tiện liên quan đến vi phạm bị xử lý thu hồi phù hiệu, biển hiệu và có văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định và không cấp lại phù hiệu, biển hiệu trong thời gian 30 ngày (trong thời gian 60 ngày đối với trường hợp bị thu hồi theo điểm đ khoản 6 Điều 19 của Nghị định này) kể từ ngày đơn vị kinh doanh vận tải chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp lại phù hiệu, biển hiệu theo quy định theo quyết định thu hồi, Sở Giao thông vận tải không cấp lại phù hiệu, biển hiệu trong thời gian 30 ngày (trong thời gian 60 ngày đối với trường hợp bị thu hồi theo điểm đ khoản 6 Điều 19 của Nghị định này) kể từ ngày đơn vị kinh doanh vận tải nộp phù hiệu, biển hiệu đến Sở Giao thông vận tải. Sau thời gian 30 ngày (60 ngày đối với trường hợp bị thu hồi theo điểm đ khoản 6 Điều 19 của Nghị định này) kể từ ngày nộp lại phù hiệu, biển hiệu, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia kinh doanh, đơn vị kinh doanh vận tải phải làm thủ tục để được cấp lại theo quy định tại Nghị định này;

- Bổ sung quy định chưa giải quyết cấp mới, cấp lại phù hiệu, biển hiệu đối với đơn vị kinh doanh vận tải vi phạm quy định bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu mà không chấp hành quyết định thu hồi phù hiệu, biển hiệu; sau khi chấp hành xong quyết định quyết định thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì thực hiện cấp theo quy định của Nghị định này.

Các nội dung bổ sung để đảm bảo tính răn đe đối với các trường hợp vi phạm, khắc phục tình trạng hiện nay, đơn vị vận tải xin cấp lại ngay sau khi phù hiệu bị thu hồi. Đồng thời, đảm bảo công bằng, minh bạch trong xử lý vi phạm, đảm bảo các trường hợp vi phạm đều được xử lý theo đúng quy định nhằm nâng cao hiệu lực của công tác quản lý nhà nước;

(16) Bổ sung điểm c khoản 12 Điều 22 quy định đơn vị kinh doanh vận tải phải nộp lại phù hiệu, biển hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp trong trường hợp không sử dụng phương tiện để kinh doanh vận tải hoặc hết thời hạn thuê phương tiện hoặc bán, chuyển nhượng cho đơn vị khác để ngăn chặn tình trạng xe đã cấp phù hiệu không còn sử dụng hoặc được bán sang đơn vị khác nhưng không báo cáo và nộp lại cho cơ quan cấp, dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, đặc biệt trong quá trình xử lý vi phạm theo quy định;

(17) Sửa đổi khoản 2 Điều 25 về trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải cho phù hợp với các nội dung sửa đổi nêu trên;

(18) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 33 về trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cho phù hợp với các nội dung sửa đổi nêu trên.

* **Điều 3:** Sửa đổi, bổ sung 18 điều của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP, cụ thể:

(1) Thay cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại Điều 6, Điều 8, Điều 11, Điều 13, Điều 17, Điều 18, Điều 22, Điều 28, Điều 29, Điều 31, Điều 34, Điều 38, Điều 39, Điều 40; Mẫu số 02 Phụ lục 1; Mẫu số 02 Phụ lục 2; Mẫu số 10, Mẫu số 11 Phụ lục 03; Mẫu số 03, Mẫu số 08, Mẫu số 10, Mẫu số 12, Mẫu số 13, Mẫu số 14, Mẫu số 15 Phụ lục 04; Mẫu số 03, Mẫu số 11, Mẫu số 13, Mẫu số 14, Mẫu số 15, Mẫu số 16 Phụ lục 05; Mẫu số 08, Mẫu số 10, Mẫu số 11, Mẫu số 12, Mẫu số 13 Phụ lục 06;

(2) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Để thực hiện theo đúng: khoản 2 Điều 10 Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (*2. Thời hạn của giấy phép liên vận cấp cho phương tiện thương mại được qua lại nhiều lần có giá trị 01 năm kể từ ngày cấp. Thời hạn giấy phép liên vận cấp cho xe vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch cũng có thể theo thời gian chuyến đi hoặc thời gian của chuyến du lịch nhưng không vượt quá 30 ngày*), điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam – Campuchia *(b. Và loại 2 cấp cho phương tiện đi lại một lần với thời hạn không quá 30 ngày);*

(3) Sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 6 bỏ việc trả kết quả bằng hình thức trực tuyến do Giấy phép là bản giấy được ký tên, đóng dấu. Do đó, không trả bằng hình thức trực tuyến được;

(4) Sửa đổi điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều 8: bỏ việc trả kết quả bằng hình thức trực tuyến do Giấy phép là bản giấy được ký tên, đóng dấu. Do đó, không trả bằng hình thức trực tuyến được; Quy định Giấy phép hết hạn sử dụng, hết chỗ đóng dấu của các cơ quan tại cửa khẩu hoặc hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép để Cơ quan cấp phép kiểm tra và thực hiện thu hồi giấy phép đối với phương tiện;

(5) Sửa đổi điểm b và điểm d khoản 1 Điều 9, rút ngắn thời gian không thực hiện hoạt động vận tải liên vận ASEAN từ 03 tháng xuống 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép liên vận và bổ sung thêm nội dung phương tiện bị tước hoặc thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì bị thu hồi Giấy phép liên vận;

(6) Sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 11 bỏ việc trả kết quả bằng hình thức trực tuyến do Giấy phép là bản giấy được ký tên, đóng dấu. Do đó, không trả bằng hình thức trực tuyến được;

(7) Sửa đổi điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều 13 bỏ việc trả kết quả bằng hình thức trực tuyến do Giấy phép là bản giấy được ký tên, đóng dấu. Do đó, không trả bằng hình thức trực tuyến được; Quy định Giấy phép hoặc sổ TAD hết hạn sử dụng, hết chỗ đóng dấu của các cơ quan tại cửa khẩu hoặc hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép để Cơ quan cấp phép kiểm tra và thực hiện thu hồi giấy phép và sổ TAD đối với phương tiện;

(8) Sửa đổi điểm b và điểm d khoản 1 Điều 14, rút ngắn thời gian không thực hiện hoạt động vận tải liên vận GMS từ 03 tháng xuống 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép liên vận và bổ sung thêm nội dung phương tiện bị tước hoặc thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì bị thu hồi Giấy phép liên vận;

(9) Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 18 bỏ việc trả kết quả bằng hình thức trực tuyến do Giấy phép là bản giấy được ký tên, đóng dấu. Do đó, không trả bằng hình thức trực tuyến được;

(10) Sửa đổi, bổ sung Điều 19 quy định về việc Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc, phân cấp cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh và Sở Giao thông vận tải - Xây dựng Lào Cai căn cứ theo tuyến đường vận chuyển, hành trình các điểm được phép dừng đỗ và các cặp cửa khẩu thuộc địa phận quản lý cấp Giấy phép vận tải loại D;

(11) Sửa đổi khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 23 bỏ quy định Cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho các đơn vị vận tải do đã thực hiện phân cấp cho Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các địa phương cấp giấy phép; bỏ việc trả kết quả bằng hình thức trực tuyến do Giấy phép là bản giấy được ký tên, đóng dấu. Do đó, không trả bằng hình thức trực tuyến được;

(12) Sửa đổi điểm b khoản 3, điểm a khoản 4, điểm c khoản 5 và khoản 6 Điều 25: Quy định thành phần hồ sơ về giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đối với phương tiện phi thương mại đối với vận tải Việt Nam - Lào tương tự như đối với vận tải Việt Nam - Campuchia, vận tải CLV để đảm bảo thống nhất. Mặt khác để chứng minh phương tiện thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân; bỏ quy định Cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy phép liên vận cho phương tiện thương mại của các đơn vị vận tải do đã phân cấp cho Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng địa phương; bỏ việc trả kết quả bằng hình thức trực tuyến do Giấy phép là bản giấy được ký tên, đóng dấu. Do đó, không trả bằng hình thức trực tuyến được; Quy định Giấy phép hết hạn sử dụng, hết chỗ đóng dấu của các cơ quan tại cửa khẩu hoặc hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép để Cơ quan cấp phép kiểm tra và thực hiện thu hồi giấy phép đối với phương tiện;

(13) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 26 bổ sung thêm nội dung phương tiện bị tước hoặc thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì bị thu hồi Giấy phép liên vận;

(14) Sửa đổi khoản 8 Điều 31 Quy định Giấy phép hết hạn sử dụng, hết chỗ đóng dấu của các cơ quan tại cửa khẩu hoặc hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép để Cơ quan cấp phép kiểm tra và thực hiện thu hồi giấy phép đối với phương tiện;

(15) Sửa đổi điểm b và điểm d khoản 1 Điều 32, rút ngắn thời gian không thực hiện hoạt động vận tải liên vận Việt Nam - Campuchia từ 03 tháng xuống 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép liên vận và bổ sung thêm nội dung phương tiện bị tước hoặc thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì bị thu hồi Giấy phép liên vận;

(16) Sửa đổi điểm c khoản 7 và khoản 8 Điều 35: bỏ việc trả kết quả bằng hình thức trực tuyến do Giấy phép là bản giấy được ký tên, đóng dấu. Do đó, không trả bằng hình thức trực tuyến được; Quy định Giấy phép hết hạn sử dụng, hết chỗ đóng dấu của các cơ quan tại cửa khẩu hoặc hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép để Cơ quan cấp phép kiểm tra và thực hiện thu hồi giấy phép đối với phương tiện);

(17) Sửa đổi điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 36, rút ngắn thời gian không thực hiện hoạt động vận tải liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia từ 03 tháng xuống 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép liên vận và bổ sung thêm nội dung phương tiện bị tước hoặc thu hồi phù hiệu, biển hiệu thì bị thu hồi Giấy phép liên vận;

(18) Sửa đổi khoản 2 Điều 40 bổ sung quy định Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện việc quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức, các nhân, phương tiện được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép vận tải, giấy phép liên vận trên địa bàn địa phương để thực hiện sự quản lý của địa phương đối với các tổ chức, các nhân, phương tiện được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép vận tải, giấy phép liên vận trên địa bàn địa phương.

**- Điều 4:** Trách nhiệm thi hành.

**V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

1. Về việc xem xét định hướng xây dựng

Thời gian vừa qua tại một số tỉnh, thành phố lớn đã xuất hiện tình trạng đầu tư xây dựng tràn lan các cơ sở đào tạo lái xe và các trung tâm sát hạch lái xe; ngoài ra, do hoạt động đào tạo, sát hạch lái xe hiện nay đã được xã hội hóa dân đến các nhà đầu tư chủ yếu đầu tư xây dựng tại các địa điểm thuận lợi, dẫn đến mất cân đối trong địa điểm xây dựng, dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động và gây lãng phí của cải cho xã hội.

Để giảm thiểu sự đầu tư xây dựng tràn lan, dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động và gây lãng phí của cải cho xã hội, Cục Đường bộ Việt Nam kiến nghị bổ sung Điều 4 vào Nghị định số 65/2016/NĐ-CP quy định định nguyên tắc việc đầu tư xây dựng các cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành và phù hợp với mật độ dân cư trên địa bàn.

2. Về hệ thống phòng học chuyên môn:

(1)Khoản 1 Điều 6 Nghị địnhquy định cơsở đào tạo lái xe phải trang bị hệ tranh vẽ, hệ thống bảng biểu ở các phòng học Nghiệp vụ vận tải, Cấu tạo sửa chữa thông thường, Kỹ thuật lái xe; quy định phải trang bị thiết bị mô phỏng (ca bin học lái xe) trong Phòng kỹ thuật lái xe. Tuy nhiên, hiện nay Phòng học chuyên môn đã được trang bị màn hình, máy chiếu, laptop nên hình vẽ và bảng biểu có thể được chiếu lên màn hình, giảm những chi phí không cần thiết cho cơ sở đào tạo lái xe và diện tích Phòng học lý thuyết nhỏ, trong khi cabin học lái xe chiếm nhiều diện tích. Vì vậy, quy định nói trên hiện không phù hợp với tình hình thực tiễn.

(2) Chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 13, 14 và 15 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT) còn có nội dung giảng dạy cần xem xét sửa đổi cho phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể:

- Môn pháp luật giao thông đường bộ và Môn Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông còn có một số nội dung trùng lặp.

- Môn Cấu tạo và sửa chữa thông thường, Kỹ thuật lái xe: có thời gian giảng dạy ít, nội dung giảng dạy có thể lồng ghép tích hợp để học sinh dễ dàng nắm bắt được kiến thức.

- Môn nghiệp vụ vận tải: trong thực tế có trên 80% số người học lái xe không có nhu cầu làm nghề kinh doanh vận tải. Trong khi, theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ người lái xe khi tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải tham gia tập huấn nghiệp vụ vận tải và an toàn giao thông.

Để giải quyết sự chưa phù hợp với tình hình thực tiễn trong hoạt động đào tạo lái xe, Cục ĐBVN xây dựng 02 Phương án và lựa chọn Phương án 1, cụ thể:

*Phương án 1:* sửa đổi khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/NĐ-CP) cắt giảm điều kiện từ 05 Phòng học xuống còn 02 phòng học. Theo đó, đáp ứng nguyên tắc thống nhất với quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, đồng thời phù hợp thực tiễn hoạt động đào tạo lái xe trong thời gian qua.

*Phương án 2:* giữ nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/NĐ-CP). Theo đó, chưa thống nhất với quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, đồng thời không phù hợp thực tiễn hoạt động đào tạo lái xe trong thời gian qua.

3. Về tiêu chuẩn giáo viên dạy lái xe:

Khoản 1 Điều 8 quy định giáo viên dạy lái xe phải đáp ứng tiêu chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, tiêu chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH như sau: Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp 4 hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với nghề giảng dạy hoặc có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với nghề giảng dạy để dạy trình độ sơ cấp sau: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 hoặc chứng nhận bậc thợ 3/7, 2/6 hoặc chứng nhận nghệ nhân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tương đương trở lên. Tiêu chuẩn này hiện nay không một giáo viên dạy lái xe nào đáp ứng được vì trong hệ thống nghề đào tạo quốc gia hiện nay không có ngành nghề nào có chuyên ngành phù hợp với nghề đào tạo lái xe ô tô. Khoản 2 Điều 8 quy định giáo viên dạy lý thuyết phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc các ngành nghề khác có nội dung đào tạo chuyên ngành ô tô chiếm 30% trở lên, giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe tương ứng hạng xe đào tạo trở lên; quy định này là không cần thiết vì các môn học lý thuyết lái xe ô tô không liên quan nhiều đến chuyên ngành Luật và ô tô.

Để giải quyết các khó khăn cho các cơ sở đào tạo lái xe trong tuyển chọn đội ngũ giáo viên dạy thực hành lái xe thời gian qua, Cục ĐBVN xây dựng 02 Phương án và lựa chọn Phương án 1, cụ thể:

*Phương án 1:* sửa đổi Điều 8 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 138/NĐ-CP) theo hướng quy định cụ thể Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn của giáo viên dạy thực hành lái xe tốt nghiệp phổ thông trung học, đồng thời bổ sung yêu cầu về số km lái xe an toàn. Theo đó, đáp ứng được với tình hình thực tiễn trong hoạt động đào tạo lái xe thời gian qua, đồng thời chất lượng chuyên môn của đội ngũ giáo viên được nâng lên.

*Phương án 2:* giữ nguyên theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 138/NĐ-CP). Theo đó, không tháo gỡ được các khó khăn cho các cơ sở đào tạo lái xe trong việc tuyển chọn đội ngũ giáo viên dạy lái xe trong suốt thời gian qua.

4. Về quy định niên hạn đối với xe tập lái:

Việc sử dụng ô tô cũ (chất lượng kém) dùng cho việc đào tạo, sát hạch lái xe tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn trong đào tạo, sát hạch lái xe, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thực hiện bài thi sát hạch của học viên (mặc dù trước các kỳ sát hạch có kiểm tra, tuy nhiên qua 2 hoặc 3 vòng thi sát hạch thì có thể phát sinh lỗi kỹ thuật do xe đã qua nhiều năm sử dụng, độ bền kém).

Để giải quyết tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn trong đào tạo, sát hạch lái xe, Cục ĐBVN xây dựng 02 Phương án và lựa chọn Phương án 1, cụ thể:

Phương án 1: sửa đổi khoản 2 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP và điểm c khoản 1 Điều 18 theo hướng quy định niên hạn xe tập lái và xe dùng để sát hạch lái xe. Theo đó, giải quyết tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn trong đào tạo, sát hạch lái xe, góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.

*Phương án 2:* giữ nguyên theo quy định khoản 2 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP và điểm c khoản 1 Điều 18. Theo đó, tiềm tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn trong đào tạo, sát hạch lái xe.

5. Về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính:

Tiếp tục thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền địa phương thực hiện quản lý kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, Cục ĐBVN xây dựng 02 Phương án và lựa chọn Phương án 1, cụ thể:

*Phương án 1:* sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Quy định Sở Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2 và cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động.

Đánh giá thuận lợi

- Đạt được mục tiêu thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để cho địa phương trong việc cấp phép, quản lý và sử dụng các trung tâm sát hạch lái xe ô tô;

- Giảm đầu mối thực hiện thủ tục hành chính trong việc kiểm tra, cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

Đánh giá khó khăn

- Đội ngũ cán bộ, công chức quản lý lĩnh vực đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại các Sở GTVT còn mỏng (có Sở GTVT chỉ có 03 công chức); cán bộ thường xuyên luân chuyển không có trình độ chuyên môn chuyên ngành phù hợp; việc đầu tư trang thiết bị kiểm tra ở một số Sở Giao thông vận tải có ít trung tâm sát hạch lái xe sẽ lãng phí;

- Việc kiểm tra, đánh giá do nhiều đơn vị thực hiện sẽ khó khăn trong việc đảm bảo đồng nhất về điều kiện cơ sở vật chất và chất lượng sát hạch;

- Khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm theo dõi để cảnh báo trên hệ thống các hiện tượng tiêu cực để nâng cao chất lượng.

*Phương án 1:* giữ nguyên theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Quy định Cục Đường bộ Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2 và cấp, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động.

Đánh giá thuận lợi:

- Đảm bảo sự đồng đều về điều kiện cơ sở vật chất và đảm bảo chất lượng sát hạch lái xe ô tô trên phạm vi toàn quốc;

- Có đội ngũ cán bộ công chức có các chuyên ngành kỹ thuật phù hợp việc kiểm tra, kiểm chuẩn trang thiết bị lắp tại phòng điều hành, sân sát hạch và xe sát hạch;

- Có các trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra thiết bị đáp ứng được yêu cầu kiểm tra, đánh giá điều kiện kỹ thuật chuyên môn của trung tâm sát hạch lái xe;

- Thuận lợi cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm theo dõi, giám sát quá trình sát hạch để cảnh báo trên hệ thống, giúp các cơ quan chức năng kiểm tra, thanh tra, điều tra phát hiện và xử lý vi phạm, tiêu cực.

Đánh giá hạn chế:

Chưa thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để cho địa phương trong việc cấp phép, quản lý và sử dụng các trung tâm sát hạch lái xe ô tô.

**3.2.4. Bộ Giao thông vận tải xin gửi kèm theo Tờ trình:**

(1) Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung;

(2) Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật;

(3) Báo cáo đánh giá tác động của Nghị định kèm theo Biểu đánh giá tác động của thủ tục hành chính;

(4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

(5) Văn bản thẩm định số /BTP ngày tháng năm 2019 của Bộ Tư pháp và ý kiến tiếp thu, giải trình văn bản thẩm định.

(6) Tài liệu khác có liên quan.

Bộ Giao thông vận tải kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Các Thứ trưởng (để biết);  - Vụ Pháp chế;  - Cục ĐBVN (để biết);  - Lưu VT, V.Tải. | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Văn Thắng** |
|  |